

Số liệu người dân đã được khám sức khỏe định kỳ theo từng xã, phường, đặc khu trên địa bàn Thành phố từ 25-5 đến 24-6-2026

TT	Xã	Dân số	Số người dân được KSK (kể từ ngày 25/5)
1	An Nhơn Tây	45,143	8,100
2	Bà Điểm	124,175	7,887
3	Tân Nhựt	60,271	3,439
4	Bắc Tân Uyên	29,942	3,213
5	Hiệp Phước	62,519	3,091
6	Tăng Nhơn Phú	142,476	2,876
7	Tân Mỹ	73,489	2,802
8	Xuân Thới Sơn	81,539	2,719
9	Tân Tạo	93,374	2,481
10	Đất Đỏ	44,891	2,146
11	Hồ Tràm	52,598	1,705
12	Đặc khu Côn Đảo	6,658	1,692
13	Tân Thuận	123,766	1,678
14	Thủ Đức	113,774	1,612
15	Bình Hưng Hòa	171,537	1,523
16	Bình Tân	118,262	1,501
17	An Lạc	156,798	1,439
18	Hóc Môn	77,900	1,401

19	Tân Khánh	147,283	1,329
20	Linh Xuân	133,323	1,280
21	Phú Hòa Đông	90,375	1,263
22	Chợ Lớn	72,683	1,224
23	Đông Hòa	140,991	1,181
24	Đông Hưng Thuận	138,793	1,101
25	Vĩnh Lộc	42,142	1,091
26	Bình Trị Đông	163,826	1,038
27	Hưng Long	52,306	1,033
28	Bà Rịa	6,923	1,028
29	Phước Thắng	53,283	999
30	Nhà Bè	145,855	895
31	Tân Vĩnh Lộc	60,460	875
32	Tân Hưng	156,869	853
33	Thạnh An	5,212	843
34	Tân Bình	80,702	819
35	Bình Mỹ	72,217	817
36	Phú Lâm	90,999	816
37	Vĩnh Tân	69,814	813
38	Đức Nhuận	72,972	803
39	Tân Phú	96,673	794
40	An Thới Đông	22,905	794

41	Bình Chánh	52,112	726
42	Chánh Hưng	195,356	720
43	Phú Nhuận	71,135	710
44	Long Hải	110,726	685
45	Nhuận Đức	39,357	680
46	An Phú Đông	91,973	657
47	Thanh Mỹ Tây	144,301	656
48	Bình Lợi Trung	103,995	639
49	Bình Trưng	100,953	637
50	Hiệp Bình	150,839	623
51	Phước Long	123,338	593
52	Dĩ An	213,166	584
53	Tân Uyên	81,127	578
54	Bình Đông	112,014	563
55	Phú Thọ Hòa	143,568	556
56	Thới An	88,246	539
57	Khánh Hội	101,622	535
58	Bình Thạnh	114,155	495
59	Thái Mỹ	51,590	494
60	Tam Thẳng	87,713	492
61	Phú Thạnh	110,045	488
62	Chợ Quán	60,118	470

63	Bình Khánh	34,497	467
64	Bình Tiên	89,358	458
65	Nhiều Lộc	107,893	454
66	Hòa Lợi	97,612	452
67	Tân Sơn Nhì	117,308	450
68	Đông Thạnh	116,111	446
69	An Hội Tây	119,113	446
70	An Đông	65,237	437
71	Tân Thới Hiệp	124,109	429
72	Thông Tây Hội	118,648	418
73	Vĩnh Hội	64,621	403
74	Bình Quới	44,882	394
75	Long Bình	87,176	392
76	Cầu Kiệu	72,616	392
77	Diên Hồng	75,751	384
78	Vườn Lài	104,890	380
79	Phú Lợi	123,140	377
80	An Phú	159,352	375
81	Bình Thới	69,578	366
82	Gia Định	133,600	364
83	Bình Lợi	32,026	339
84	Bến Cát	109,167	337

85	Thới Hòa	98,588	337
86	Bình Dương	119,459	331
87	Bình Hưng	75,023	329
88	Tam Long	43,170	328
89	Phú Thuận	68,924	323
90	Bình Phú	74,901	318
91	Củ Chi	114,221	317
92	An Khánh	65,665	313
93	Hòa Hưng	85,094	310
94	Tam Bình	134,168	305
95	Thuận Giao	157,925	302
96	Phú Định	137,231	301
97	Hạnh Thông	116,596	297
98	Xóm Chiếu	64,582	293
99	Long Điền	49,158	290
100	Trung Mỹ Tây	104,133	266
101	Chánh Hiệp	62,273	266
102	Minh Phụng	86,924	263
103	Bình Tây	60,938	260
104	Thủ Dầu Một	99,159	244
105	Bảy Hiền	112,941	241
106	Tân An Hội	73,708	240

107	Thuận An	68,976	238
108	Tây Nam	81,750	237
109	Phú An	53,125	230
110	Rạch Dừa	78,310	229
111	Tân Phước	29,927	222
112	Tân Đông Hiệp	114,079	217
113	Tân Định	52,219	215
114	Tây Thạnh	66,900	214
115	Gò Vấp	89,263	204
116	Bến Thành	62,361	203
117	Long Sơn	18,040	201
118	Tân Sơn	56,491	194
119	Long Trường	55,265	193
120	Tân Sơn Hòa	61,257	180
121	An Hội Đông	102,290	179
122	Cầu Ông Lãnh	86,296	175
123	Cát Lái	52,525	173
124	Phú Mỹ	91,383	173
125	Long Phước	31,076	166
126	Long Hương	32,230	154
127	Cần Giẻ	25,660	154
128	Chánh Phú Hòa	62,451	147

129	Long Nguyên	54,770	146
130	Tân Hòa	79,350	140
131	Tân Hiệp	146,977	140
132	Tân Thành	35,215	140
133	Thanh An	26,621	138
134	Kim Long	33,824	137
135	Phú Thọ	58,642	136
136	Bình Cơ	81,176	136
137	Tân Sơn Nhất	71,715	135
138	Hòa Bình	54,697	128
139	Ngãi Giao	49,838	126
140	Xuân Hòa	48,143	122
141	Vũng Tàu	118,742	122
142	Nghĩa Thành	28,311	109
143	Bàn Cờ	84,496	100
144	An Nhơn	95,800	96
145	Tân Hải	31,078	84
146	Bình Hòa	123,726	75
147	Thường Tân	21,055	71
148	Phước Hòa	44,766	69
149	Châu Pha	26,287	69
150	Bàu Lâm	22,715	66

151	Phước Hải	44,014	64
152	Lái Thiêu	112,589	62
153	Long Hòa	23,019	52
154	Hòa Hội	36,448	48
155	Bình Giã	34,675	46
156	Xuân Sơn	27,639	46
157	Dầu Tiếng	39,794	45
158	Châu Đức	28,584	45
159	Bàu Bàng	51,771	34
160	Xuyên Mộc	27,015	29
161	Sài Gòn	38,334	24
162	Bình Châu	26,506	20
163	Hòa Hiệp	25,791	17
164	Phú Giáo	44,261	13
165	Trừ Văn Thố	30,211	7
166	An Long	18,739	5
167	Minh Thạnh	26,623	4
168	Phước Thành	16,202	3

SỞ Y TẾ TPHCM